

HOSE 09/07/2014

VNINDEX 591.60 0.13 0.02%

KLGD 109,819,763 CP
GTGD 1,621.89 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 130 CP
CP Giảm giá 96 CP
CP Đứng giá 78 CP



HNX 09/07/2014

HNXINDEX 79.14 -0.22 -0.27%

KLGD 64,362,828 CP
GTGD 656.21 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 111 CP
CP Giảm giá 87 CP
CP Đứng giá 181 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 636.64 0.43 0.07%
HNX30 162.10 0.05 0.03%

Tâm điểm

- ▶ **Giăng co xoay vòng dòng tiền, 2 sàn đóng cửa trái chiều**
- ▶ **Thanh khoản dù sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá**
Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2.200 tỷ đồng
- ▶ **5 tháng đầu năm Việt Nam xuất siêu sang Hoa Kỳ hơn 8.85 tỷ USD**
Theo Số liệu của Cục Kiểm kê Hoa Kỳ (US Census Bureau)
Trí Thức Trẻ
- ▶ **Giá hàng hóa dự báo tăng nhẹ trong tháng 7**
Được biết, 6 tháng đầu năm nay, chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) chỉ tăng 1.38%
CAND
- ▶ **ANZ: Kinh tế Việt Nam đã cải thiện nhưng với tốc độ chậm**
Theo báo cáo cập nhật kinh tế khu vực Châu Á-Thái Bình Dương của ANZ
Người Đồng Hành
- ▶ **DHG: Dự kiến xây nhà máy tại Myanmar**
DHG có thể đầu tư khoảng 91 tỷ đồng để sản xuất thuốc tại Myanmar
DVO/Bloomberg
- ▶ **HVX: Lên phương án sáp nhập HPS**
Quý 1/2014, HVX đạt 208.6 tỷ đồng doanh thu, nhưng LNST âm 1.65 tỷ đồng
Đầu tư Chứng khoán

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,045,815	13.9	3.2	21.0%	11.1%
HNX	127,925	17.8	1.6	7.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,173,740	15.8	3.1	19.7%	10.4%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,916	5.8	0.8	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,577	7.0	1.5	20.8%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	38,184	20.7	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng	12,011	52.4	4.9	2.1%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,089	18.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,118	35.4	1.1	-4.1%	1.5%
Máy công nghiệp	8,202	6.3	1.4	21.3%	14.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,964	13.5	1.4	14.9%	11.3%
Lốp xe	7,643	9.3	2.5	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,914	9.8	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	202,755	23.2	4.8	21.8%	16.9%
Dược phẩm	15,755	12.3	3.1	25.7%	16.7%
Phần mềm	17,457	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	22,303	5.6	1.2	-6.9%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,707	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	29,396	23.9	2.4	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	26,164	14.2	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng	245,974	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	141,068	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,011	9.9	1.9	20.4%	8.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

5 tháng đầu năm Việt Nam xuất siêu sang Hoa Kỳ hơn 8.85 tỷ USD

Giá hàng hóa dự báo tăng nhẹ trong tháng 7

ANZ: Kinh tế Việt Nam đã cải thiện nhưng với tốc độ chậm

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

DHG: Dự kiến xây nhà máy tại Myanmar

HVX: Lên phương án sáp nhập HPS

BST: Quý 2 lãi ròng 588 triệu đồng, gấp đôi cùng kỳ

► Tin kinh tế

Theo Số liệu của Cục Kiểm kê Hoa Kỳ (US Census Bureau), 5 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu Hoa Kỳ sang Việt Nam đạt 2.45 tỷ USD, tăng 13.8%; nhập khẩu hàng Việt Nam đạt 11.3 tỷ USD, tăng 25.7% so với cùng kỳ năm trước. Cán cân thương mại Hoa Kỳ - Việt Nam thâm hụt 8.85 tỷ USD. Điều này đồng nghĩa, xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ 5 tháng đầu năm đạt 11.3 tỷ USD; thặng dư thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ đạt hơn 8.85 tỷ USD. Trước đó 2 tuần, Cục Hải Quan Việt Nam công bố 5 tháng đầu năm, thặng dư thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ đạt 8.1 tỷ USD.

Bộ Công thương vừa đưa ra dự báo trong tháng 7, giá cả các mặt hàng tiêu dùng trên thị trường sẽ tăng nhẹ so với tháng 6. Nguyên nhân do những bất ổn chính trị tại nhiều nước trên thế giới có thể tác động tới giá dầu mỏ, khí đốt và ảnh hưởng đến giá các mặt hàng nguyên vật liệu khác. Bên cạnh đó, thời tiết chuẩn bị vào mùa mưa bão nên có thể sẽ có hiện tượng tăng giá cục bộ tại một số địa phương. Tuy nhiên, do nguồn cung hàng hóa được chuẩn bị tốt, một số mặt hàng nông sản như lúa gạo vào vụ thu hoạch, phân bón, vật liệu xây dựng vào thời kỳ nhu cầu sử dụng không cao... nên giá hàng hóa sẽ khó tăng đột biến, một số mặt hàng sẽ tiếp tục giảm nhẹ. Nhìn chung 6 tháng đầu năm nay, chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) tăng 1.38%, là mức tăng khá thấp trong nhiều năm trở lại đây

Trong báo cáo cập nhật kinh tế khu vực Châu Á-Thái Bình Dương công bố ngày 8/7, Ngân hàng ANZ đã giữ nguyên dự báo tăng trưởng của Việt Nam ở mức 5.6% cho năm 2014 và 5.8% cho năm 2015, cho rằng nền kinh tế đang cải thiện đều đặn nhưng với tốc độ chậm. ANZ đưa ra nhận định trên với lý do hoạt động kinh tế của Việt Nam thường mạnh lên về cuối năm và đạt đỉnh vào quý 4, sau khi số liệu cho thấy GDP của Việt Nam đã tăng trưởng 5.2% trong 6 tháng đầu năm - tốc độ được cho là khớp với dự đoán. ANZ cũng dự báo lạm phát sẽ đứng ở mức 5-5.5% năm 2014 và 6-6.5% năm 2015.

► Tin doanh nghiệp

Theo Bloomberg, CTCP Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) có kế hoạch tăng doanh số bán các thực phẩm sức khỏe, đẩy mạnh xuất khẩu và mở rộng hoạt động sang Myanmar khi ngành dược đang đối mặt với việc trong nước kiểm soát chặt chẽ hơn các loại thuốc kháng sinh. Tổng giám đốc DHG Phạm Thị Việt Nga cho biết, tại Myanmar, DHG đang đàm phán với một doanh nghiệp địa phương để thành lập một liên doanh, trong đó DHG có thể đầu tư khoảng 91 tỷ đồng (4.3 triệu USD) để sản xuất các loại thuốc tương tự đang được doanh nghiệp này bán tại Việt Nam. Việc xây dựng nhà máy tại Myanmar có thể bắt đầu vào năm sau nếu các thỏa thuận đạt được và được thông qua.

Tại ĐHCĐ ngày 18/7 tới, CTCP Xi măng Vicem Hải Vân (HOSE: HVX) sẽ trình cổ đông phương án sáp nhập CTCP Đá xây dựng Hòa Phát (HPS) vào HVX theo tỷ lệ 1:1. Theo đó, HVX sẽ phát hành thêm 1.56 triệu cổ phần để hoán đổi 100% cổ phần đang lưu hành của HPS. Sau sáp nhập, HVX giữ nguyên các cơ cấu tổ chức sẵn có và thành lập thêm một đơn vị trực thuộc công ty là HPS. HVX tiếp tục sử dụng toàn bộ lao động ngay sau khi thủ tục sáp nhập được hoàn thành. HVX có tổng tài sản 1,088 tỷ đồng, HPS là 12 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của HVX là 189 tỷ đồng, HPS là 7 tỷ đồng. Cả hai doanh nghiệp này đều thua lỗ trong năm 2013, HVX lỗ 15 tỷ đồng và HPS lỗ 8 tỷ đồng. Quý 1/2014, HVX đạt 208.6 tỷ đồng doanh thu, nhưng lợi nhuận sau thuế âm 1.65 tỷ đồng do các loại chi phí đều tăng nhưng giá bán chưa tăng tương ứng.

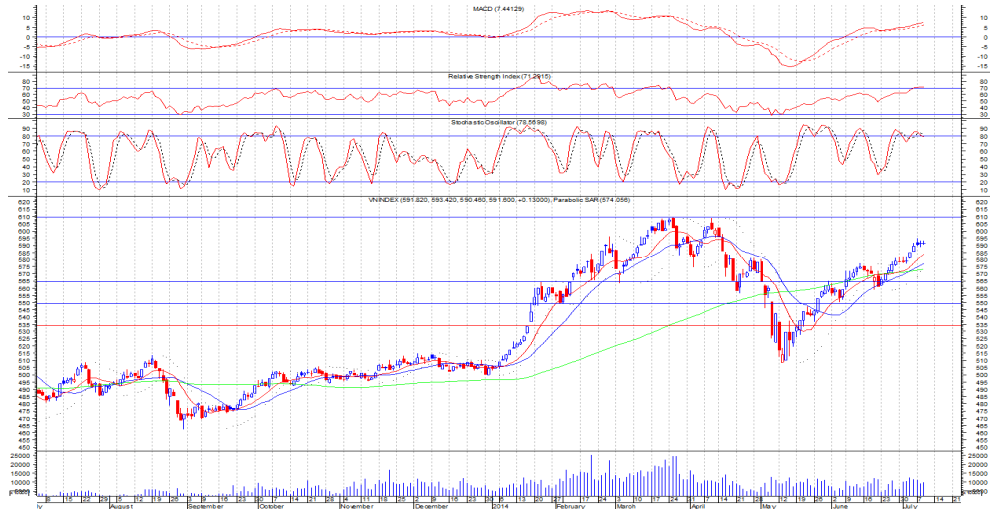
CTCP Sách - Thiết bị Bình Thuận (HNX: BST) công bố báo cáo tài chính quý 2/2014 với doanh thu thuần gần 16 tỷ đồng, giảm 8% so cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế 588 triệu đồng, gấp đôi cùng kỳ. Theo giải trình của BST, sở dĩ lợi nhuận chênh lệch nhiều so với cùng kỳ do quý 2/2013 công ty bán cổ phần tại Công ty Vĩnh Hào lãi 1.2 tỷ đồng, lợi nhuận 6 tháng vượt kế hoạch. Do đó công ty trích quỹ lương 6 tháng 2013 cao hơn quý 2/2014 là 344 triệu đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần ở mức 19 tỷ đồng, giảm 9%. Lợi nhuận sau thuế 849 triệu đồng, giảm 59% so cùng kỳ.

HOSE 09/07/2014 VNINDEX 591.60 0.13 0.02% 109,819,763 CP 1,621.89 bil VND

Giảng cơ xoay vòng dòng tiền, 2 sản đóng cửa trái chiều

VN-Index tăng 0.13 điểm (+0.02%), đóng cửa tại mức 591.60 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân ngắn, cây nến Doji thứ 2 liên tiếp của VN-Index.

- MACD vẫn tiếp tục gia tăng mạnh, cho thấy tín hiệu tăng điểm VN-Index vẫn được củng cố.
- Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua.
- MA10, MA20 gia tăng mạnh và trở thành ngưỡng hỗ trợ khá tốt cho chỉ số nếu VN-Index điều chỉnh
- RSI (14) giữ ở mức 71. Điều này cho thấy động lực tăng của VN-Index vẫn còn.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.2 (1.6%)	10,923,290
ITA	0 (0.0%)	8,422,250
AVF	0.2 (3.8%)	3,080,130
MCG	0.2 (2.8%)	2,802,920
VNE	0.2 (2.8%)	2,706,350

HOSE Top 5 theo % tăng

DRH	0.3 (7.0%)	286,400
SVI	2.6 (6.8%)	10
VNA	0.2 (6.7%)	115,170
DMC	2.6 (6.5%)	24,360
NVN	0.2 (6.5%)	29,680

HOSE Top 5 theo % giảm

CMV	-1 (-6.9%)	2,110
HDC	-1.6 (-6.8%)	4,610
SFC	-1.5 (-6.7%)	1,940
TMS	-2.2 (-6.5%)	120
VNG	-0.7 (-6.4%)	70

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CSM	7,5 tỷ	172,000
GAS	6,2 tỷ	56,200
VNE	3,6 tỷ	496,070
NBB	3,0 tỷ	134,650
DXG	2,6 tỷ	166,290

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-24,4 tỷ	442,390
MSN	-18,1 tỷ	193,940
VIC	-11,3 tỷ	158,110
PVD	-7,1 tỷ	84,200
TDH	-3,8 tỷ	236,420

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	3,926,560	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền vẫn liên tục xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu ở phiên hôm nay, ngoài những cổ phiếu trụ đỡ tăng điểm, dòng tiền hướng thêm sự chú ý vào nhóm Penny.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 99,7 triệu đơn vị. Đây vẫn là mức khá, nó cho thấy động lực tăng của VN-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại bán ròng 40 tỷ trong phiên hôm nay. Thêm một phiên bán ròng nữa của khối này. Nhưng nhiều khả năng vẫn chưa có nhiều lo ngại với đà bán này.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng đỉnh cũ 600 điểm. Việc dòng tiền duy trì tốt khiến chúng tôi tin rằng VN-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT cần nhắc chốt lãi, việc mua mới nên xem xét ưu tiên nhóm CP chưa tăng trưởng mạnh về giá giai đoạn vừa rồi, cần nhắc sử dụng margin nếu thanh khoản vẫn tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	111.0	210,345.00	18.7	5.9	33.4%	22.6%
VNM	833.4	128.0	106,679.53	16.8	5.7	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	25.9	69,024.03	15.9	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	93.5	68,714.21	206.1	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	71.0	63,491.07	8.6	4.1	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	8.6	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.0	42,168.04	9.0	1.2	14.2%	0.8%
BVH	680.5	43.3	29,464.41	23.9	2.4	10.0%	2.3%
HPG	481.9	55.5	26,745.90	11.2	2.6	25.0%	10.7%
PVD	275.3	84.5	23,259.31	10.7	2.2	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

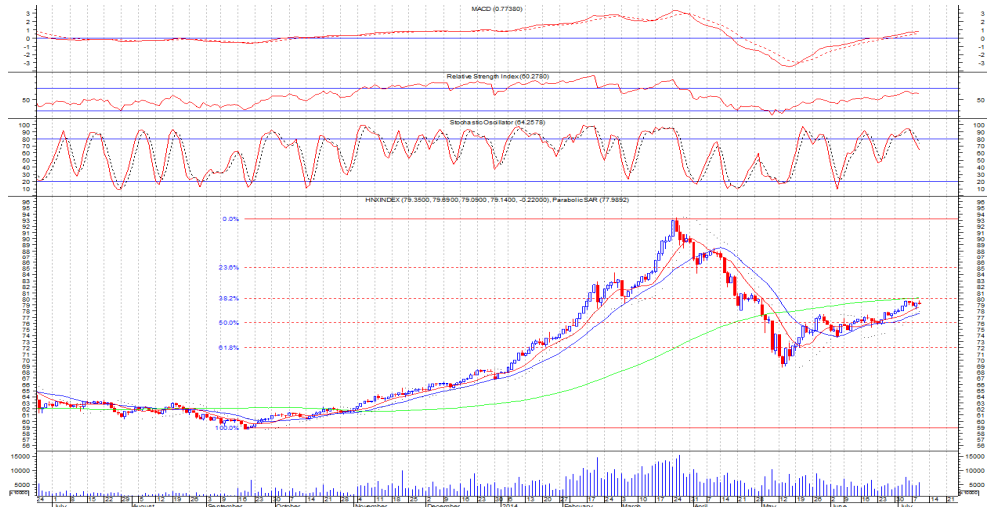
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	13.5	3,454.11	14.3	1.2	NA	TH.DOI
FPT	343.9	49.7	17,091.54	10.7	2.3	NA	TH.DOI
CII	112.9	20.3	2,291.09	16.2	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.0	3,228.97	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.1	735.08	5.4	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.9	549.44	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 09/07/2014 HNX-Index 79.14 -0.22 -0.27% 64,362,828 CP 656.21 bil. VND

Giảng co xoay vòng dòng tiền, 2 sàn đóng cửa trái chiều

Chỉ số HNX-Index giảm 0.22 điểm (-0.27%), đóng cửa tại mốc 79.14 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến ngắn, HNX-Index vẫn đang giảng co khá mạnh tại vùng đỉnh cũ này.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator đi ra khỏi vùng quá mua và tiếp tục sụt giảm mạnh.
- MACD đi ngang những xu hướng tăng điểm của HNX-Index vẫn chưa bị phá vỡ.
- RSI (14) giảm nhẹ lên mức 60.
- HNX-Index đang tích lũy để chinh phục lại vùng kháng cự 80 điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.2 (4.4%)	13,354,810
SHN	0.4 (8.5%)	4,972,550
SCR	0 (0.0%)	4,677,290
KLF	0.2 (1.7%)	4,028,620
SHB	-0.1 (-1.1%)	2,758,760

HNX Top 5 theo % tăng

NHC	3.3 (10.0%)	100
NLC	2.8 (9.8%)	822,530
BXH	1 (9.8%)	100
HBS	0.5 (9.8%)	1,300
VAT	0.5 (9.8%)	300

HNX Top 5 theo % giảm

DAC	-0.9 (-10.0%)	300
HCC	-1.2 (-10.0%)	900
SKS	-1 (-10.0%)	300
LDP	-5.5 (-9.9%)	100
NST	-1 (-9.4%)	2,400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	14,6 tỷ	489,000
VND	3,8 tỷ	221,200
PGS	1,5 tỷ	48,000
PVX	0,4 tỷ	83,700
VC1	0,2 tỷ	11,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-2,1 tỷ	105,000
PVG	-0,4 tỷ	36,700
PVI	-0,4 tỷ	23,100
HNM	-0,4 tỷ	40,300
ACB	-0,3 tỷ	19,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,053,900	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền vẫn liên tục xoay vòng giữa các nhóm cổ phiếu ở phiên hôm nay, ngoài những cổ phiếu trụ đỡ tăng điểm, dòng tiền hướng thêm sự chú ý vào nhóm Penny.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 58 triệu đơn vị. Thanh khoản ở mức khá tốt, nó cho thấy động lực tăng của HNX-Index vẫn còn.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 18 tỷ trong phiên hôm nay. Việc khối ngoại liên tục duy trì đà mua ròng sẽ hỗ trợ khá tốt cho thị trường trong bối cảnh hiện nay.
- ▶ HNX-Index hướng tới vùng kháng cự 80 điểm. Việc dòng tiền gia tăng tốt khiến chúng tôi tin rằng HNX-Index nhiều khả năng sẽ chinh phục thành công mốc này.
- ▶ NĐT có thể xem xét ưu tiên nhóm cổ phiếu chưa tăng trưởng mạnh về giá giai đoạn vừa rồi, có thể xem xét sử dụng margin nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.5	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	29.8	13,311.67	8.8	1.6	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.1	8,481.00	261.6	6.4	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.3	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	14.3	6,316.46	14.2	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.4	4,147.62	15.1	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	34.9	2,716.34	6.1	1.9	33.5%	17.5%
VNR	131.1	19.5	2,555.98	7.4	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	31.6	1,200.80	7.7	1.3	NA	TH.DOI
AAA	19.8	20.3	401.94	7.5	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.8	1,628.53	11.7	1.3	NA	TH.DOI
NTP	56.3	53.9	3,036.69	10.4	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	20.3	1,015.00	11.6	1.1	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.0	299.25	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	13.73%	93.5	206.13	4.62	123,050	142,153	157,115
VIC	HOSE	894.2	63,491.07	13.68%	71.0	8.60	4.11	341,178	313,885	402,787
HPG	HOSE	481.9	26,745.90	13.62%	55.5	11.19	2.57	927,994	853,134	675,104
PVD	HOSE	275.3	23,259.31	9.64%	84.5	10.72	2.22	255,827	354,665	343,914
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	8.07%	25.6	15.20	1.40	2,847,430	2,475,751	2,881,170
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.65%	20.3	10.65	1.41	460,060	2,572,725	1,546,397
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	6.07%	25.9	15.85	1.59	419,632	587,040	610,204
DPM	HOSE	379.9	12,499.84	5.32%	32.9	6.64	1.44	772,030	931,446	1,317,925
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.07%	8.5	107.50	0.78	6,130,042	5,604,227	5,827,483
BVH	HOSE	680.5	29,464.41	2.45%	43.3	23.86	2.35	183,205	207,448	355,978
KBC	HOSE	389.8	4,599.17	2.33%	11.8	26.75	0.89	1,431,872	1,259,271	948,627
HSG	HOSE	96.3	4,507.45	2.28%	46.8	11.31	2.00	138,301	125,067	151,709
GMD	HOSE	114.4	4,004.76	1.97%	35.0	128.01	0.87	182,309	192,914	280,727
VSH	HOSE	206.2	3,299.86	1.58%	16.0	14.97	1.20	861,138	519,739	451,685
PPC	HOSE	318.2	6,649.43	1.47%	20.9	7.32	1.18	311,780	269,422	427,128
CSM	HOSE	67.3	2,920.47	1.45%	43.4	7.85	2.24	628,025	487,826	400,511
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.34%	52.0	11.06	2.89	360,101	254,925	221,245
HVG	HOSE	120.0	2,880.00	1.24%	24.0	14.83	1.23	319,001	584,250	552,008
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.30	1.20	1,919,301	1,621,222	978,641
DIG	HOSE	143.0	2,359.43	1.06%	16.5	44.04	0.99	204,968	170,536	275,987
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	0.82%	11.6	50.77	1.08	1,560,804	1,492,385	1,845,030

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDBQ (10 ngày)	KLGDBQ (1 tháng)	KLGDBQ (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	7.67%	20.3	10.65	1.41	460,060	2,572,725	1,546,397
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	7.43%	93.5	206.13	4.62	123,050	142,153	157,115
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	7.31%	25.9	15.85	1.59	419,632	587,040	610,204
VIC	HOSE	894.2	63,491.07	6.29%	71.0	8.60	4.11	341,178	313,885	402,787
DPM	HOSE	379.9	12,499.84	5.63%	32.9	6.64	1.44	772,030	931,446	1,317,925
BVH	HOSE	680.5	29,464.41	5.63%	43.3	23.86	2.35	183,205	207,448	355,978
PVS	HNX	446.7	13,311.67	5.50%	29.8	8.76	1.56	2,879,014	2,268,013	2,074,341
PVD	HOSE	275.3	23,259.31	3.79%	84.5	10.72	2.22	255,827	354,665	343,914
ITA	HOSE	718.0	6,103.05	3.48%	8.5	107.50	0.78	6,130,042	5,604,227	5,827,483
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.36%	9.3	10.31	0.79	8,862,393	6,549,763	6,796,015
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	3.27%	25.6	15.20	1.40	2,847,430	2,475,751	2,881,170
VCG	HNX	441.7	6,316.46	3.21%	14.3	14.24	1.14	1,288,514	1,314,043	1,736,855
OGC	HOSE	300.0	3,480.00	2.07%	11.6	50.77	1.08	1,560,804	1,492,385	1,845,030
DRC	HOSE	83.1	4,319.84	1.52%	52.0	11.06	2.89	360,101	254,925	221,245
GMD	HOSE	114.4	4,004.76	1.49%	35.0	128.01	0.87	182,309	192,914	280,727
PPC	HOSE	318.2	6,649.43	1.32%	20.9	7.32	1.18	311,780	269,422	427,128
PVT	HOSE	255.9	3,454.11	1.16%	13.5	14.30	1.20	1,919,301	1,621,222	978,641
PVX	HNX	400.0	1,880.00	0.00%	4.7	- 0.80	2.25	4,939,984	6,125,751	7,439,306

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	63,491.07	0.00%	71.0	8.60	4.11	341,178	313,885	402,787
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.00%	93.5	206.13	4.62	123,050	142,153	157,115
DPM	HOSE	379.9	12,499.84	0.00%	32.9	6.64	1.44	772,030	931,446	1,317,925
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	0.00%	25.6	15.20	1.40	2,847,430	2,475,751	2,881,170
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	0.00%	25.9	15.85	1.59	419,632	587,040	610,204
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.00%	20.3	10.65	1.41	460,060	2,572,725	1,546,397
BVH	HOSE	680.5	29,464.41	0.00%	43.3	23.86	2.35	183,205	207,448	355,978
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	8.64	0.99	335,154	290,882	418,626
GAS	HOSE	1,895.0	210,345.00	0.00%	111.0	18.70	5.93	288,708	317,690	425,892

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,714.21	0.88%	93.5	206.13	4.62	123,050	142,153	157,115
VIC	HOSE	894.2	63,491.07	0.56%	71.0	8.60	4.11	341,178	313,885	402,787
STB	HOSE	1,142.5	23,192.99	0.31%	20.3	10.65	1.41	460,060	2,572,725	1,546,397
VCB	HOSE	2,665.0	69,024.03	0.24%	25.9	15.85	1.59	419,632	587,040	610,204
DPM	HOSE	379.9	12,499.84	0.15%	32.9	6.64	1.44	772,030	931,446	1,317,925
BVH	HOSE	680.5	29,464.41	0.08%	43.3	23.86	2.35	183,205	207,448	355,978

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,916	5.8	0.8	15.7%	10.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,577	7.0	1.5	20.8%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,816	23.6	0.8	2.8%	1.7%
Sản xuất giấy	811	8.3	0.8	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,184	20.7	2.2	18.3%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,631	4.1	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	12,011	52.4	4.9	2.1%	1.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	21,089	18.5	1.4	11.6%	8.2%
Xây dựng	30,118	- 35.4	1.1	-4.1%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,145	7.4	1.2	17.8%	9.4%
Công nghiệp phức hợp	917	4.8	1.1	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,662	10.1	1.0	7.9%	3.8%
Thiết bị điện	1,651	- 17.5	0.7	-0.1%	-1.0%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	40	25.0	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	8,202	6.3	1.4	21.3%	14.7%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,768	- 2.9	1.0	3.8%	1.0%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,964	13.5	1.4	14.9%	11.3%
Dịch vụ vận tải	5,925	8.7	1.5	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,454	10.6	1.4	13.9%	4.7%
Đào tạo & Việc làm	208	9.9	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	181	8.4	0.8	10.4%	4.4%
Chất thải & Môi trường	152	2.3	0.7	34.5%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,776	10.0	1.3	13.0%	7.5%
Lốp xe	7,643	9.3	2.5	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,783	6.9	1.1	15.9%	8.6%
Vang & Rượu mạnh	361	13.4	2.2	18.4%	11.2%
Đồ uống & giải khát	259	7.4	1.4	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,914	9.8	1.3	14.5%	6.5%
Thực phẩm	202,755	23.2	4.8	21.8%	16.9%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,158	8.3	0.9	12.4%	6.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	151	8.5	1.4	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,162	8.7	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,837	8.8	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	695	- 8.3	1.1	1.1%	4.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	920	16.5	1.0	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	137	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	176	8.3	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,755	12.3	3.1	25.7%	16.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	292	38.3	0.9	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	687	13.0	1.1	12.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,205	8.9	1.3	14.5%	3.1%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,027	8.2	0.9	12.4%	8.1%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	196	8.6	3.7	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,687	35.6	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí	2,283	28.7	1.4	14.9%	12.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,862	16.5	2.2	19.5%	18.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	64	15.0	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	607	24.1	0.8	3.2%	1.2%
Internet	385	81.2	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,457	10.7	2.2	22.2%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	435	15.6	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	267	5.2	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,175	1.3	0.7	5.1%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,303	-	5.6	-6.9%	3.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	216,707	18.2	5.8	32.9%	22.1%
Nước	1,185	6.4	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,178	5.2	0.8	15.2%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,472	12.3	0.7	5.9%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,622	7.4	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	29,396	23.9	2.4	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,450	50.8	1.1	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	26,164	14.2	1.4	8.4%	6.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	245,974	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	141,068	11.9	2.6	27.8%	6.9%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	38,011	9.9	1.9	20.4%	8.3%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.